

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc
2. Ông Phạm Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn U

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Lê Văn U trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 10/10/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ ông bỏ nhà đi, không quan

tâm đến gia đình. Do đó, từ đầu năm 2018, ông bà đã không sống chung cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với Bà Nguyễn Thị L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Ông U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Lê Văn U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Bà Nguyễn Thị L nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Bà Nguyễn Thị L cư trú tại khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị L.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn U và Bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2016. Do đó, hôn nhân giữa Ông U và Bà L là hợp pháp. Ông U yêu cầu ly hôn với Bà L là do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, Bà L bỏ nhà đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, Ông U có tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không được. Vì vậy, Ông U cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, Bà L vẫn bỏ mặc và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của Bà L đối với Ông U cũng không còn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa Ông U và Bà L đã

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông U, cho Ông U ly hôn với Bà L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông bà trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ông U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Văn U .

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn U được ly hôn với Bà Nguyễn Thị L.
2. Về con chung: không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.
4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Ông Lê Văn U phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Ông U đã nộp theo biên lai số 0020346 ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, Ông U không phải nộp thêm.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường IV, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

